

thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có)

33. 3. Công ty Quản Lý Quỹ, nhân viên làm việc tại Công ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại Các Công ty Liên Quan của Công ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ được phép mua hoặc bán Đơn Vị Quỹ bằng với giá phát hành hoặc giá mua lại.
33. 4. Mọi giao dịch chứng khoán do thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành hoặc nhân viên làm việc tại Công ty Quản Lý Quỹ tiến hành phải được báo cáo lên phòng kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch diễn ra và phải quản lý tập trung tại Công ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của phòng kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nói trên phải bao gồm loại chứng khoán, giá chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch và tổng giá trị giao dịch và phải được lưu trong vòng 15 (mười lăm) năm và được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
33. 5. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
33. 6. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để tái đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ đại chúng khác hoặc Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác mà Công ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - c) Không được sử dụng tài sản của khách hàng mà Công ty Quản Lý Quỹ đang quản lý danh mục để đầu tư vào Quỹ;
 - d) Không được sử dụng tài sản của các Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc của người có liên quan đến Công ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc cho người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.

- e) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
 - f) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một Quỹ khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.
 - g) Không được thực hiện bất cứ hoạt động nào vi phạm Pháp Luật.
33. 7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG VII:
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

34. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- 34.1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc Quản Lý Quỹ đại chúng;
- 34.2. Không được là người có liên quan đến Công ty Quản Lý Quỹ;
- 34.3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
- 34.4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 của Điều lệ này.

35. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

35.1. Ngân Hàng Giám Sát có nghĩa vụ:

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của quỹ với tài sản của Công ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản Lý Quỹ;

- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
- l) Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ lập hoặc do tổ chức được Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền lập;
- m) Ngân Hàng Giám Sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
- n) Ngân Hàng Giám Sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
- o) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp Đồng Giám Sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

35.2 Ngân Hàng Giám Sát có quyền:

- a) Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công ty Quản Lý Quỹ trong quá trình Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết.
- b) Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.
- c) Được quyền nhận phí cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký phù hợp với hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, Điều Lệ này và Pháp Luật.

Trường hợp Công ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo

quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

36. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

36. 1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:
- a) Phối hợp với Công ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Công tác xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 - b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.
36. 2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
36. 3. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
36. 4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định

năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, Sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

36. 5. Ngân Hàng Giám Sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi Công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại Khoản 36.4 của Điều này. Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp Luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và Nhà Đầu Tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại Diện Quỹ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
36. 6. Công ty Quản Lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào khác nếu cho là thích hợp, và Ngân Hàng Giám Sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công ty Quản Lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công ty Quản Lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó.
36. 7. Đối với các loại chứng khoán mà Quỹ mua đầu tư hoặc thuộc sở hữu của Quỹ nhưng chưa được lưu ký tại Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám Sát có quyền xác minh hàng tháng việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu Quỹ gửi tiền mặt tại các ngân hàng hay tổ chức khác, Ngân Hàng Giám Sát xác minh hàng tháng những khoản tiền đó. Để thực hiện điều này, Công ty Quản Lý Quỹ yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức mà Quỹ gửi tiền, hàng tháng gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân Hàng Giám Sát. Ngân Hàng Giám Sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân hàng và tổ chức nhận tiền gửi và không chịu trách nhiệm cho những hành vi lừa dối, vi phạm pháp luật hay thiếu sót của các tổ chức phát hành, ngân hàng hay tổ chức nhận tiền gửi đó.
36. 8. Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm tiến hành việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ mà chỉ có trách nhiệm kiểm tra việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ tiến hành. Hơn nữa, nếu những trường hợp

nêu dưới đây đối với việc định giá hoặc báo giá được ủy quyền hợp lệ theo các văn bản cấu thành theo luật của Quỹ (bao gồm Bản Cáo Bạch Quỹ, Điều lệ Quỹ và bất kỳ sửa đổi nào, nghị quyết được thông qua hợp lệ của Ban Đại Diện Quỹ hoặc Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ), Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm khi kiểm tra việc định giá của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ tiến hành trong những trường hợp này.

- a) Ngân Hàng Giám Sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập, hoặc xác nhận giá trị của, bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập; hoặc
 - b) Ngân Hàng Giám Sát được chi thị bởi Quỹ (Ban Đại Diện Quỹ hoặc Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ) hoặc Công ty Quản Lý Quỹ sử dụng dịch vụ cung cấp giá tự động, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc các bên thứ ba khác riêng biệt để xác định giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ; hoặc
 - c) Ngân Hàng Giám Sát chỉ hoàn toàn dựa trên bất kỳ định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá của các tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của các Quỹ mà được cung cấp tới Ngân Hàng Giám Sát bởi: (i) Ban Đại Diện Quỹ hoặc Công ty Quản Lý Quỹ; và/hoặc (ii) bất kỳ tổ chức định giá, đại lý định giá thứ ba, tổ chức trung gian hoặc các bên thứ ba khác mà theo từng trường hợp do Ban Đại Diện Quỹ hoặc Công ty Quản Lý Quỹ chỉ định hoặc ủy quyền để cung cấp định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá các tài sản và nghĩa vụ nợ của Quỹ tới Ngân Hàng Giám Sát.
 - d) (a), (b), (c) gọi chung là “Những Định Giá Bị Ảnh Hưởng”
36. 9. Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ người nào do hậu quả của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn nào trong Những Định Giá Bị Ảnh Hưởng hoặc bất kỳ sai sót hệ quả nào trong Giá Trị Tài sản Ròng của Quỹ.
36. 10. Quỹ và Công ty Quản Lý Quỹ đồng ý sẽ bồi hoàn cho Ngân Hàng Giám Sát đối với mọi khoản nợ, khiếu nại, chi phí, tổn thất hoặc các thiệt hại khác (ngoại trừ xuất phát từ sự gian lận, sơ suất hay bỏ qua có chủ định đối với trách nhiệm của Ngân Hàng Giám Sát) mà Ngân Hàng Giám Sát có thể gánh chịu tại bất kỳ thời điểm nào do kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn trong Những Định Giá Bị Ảnh Hưởng.
36. 11. Trường hợp Công ty Quản Lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành, Ngân Hàng Giám Sát

có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát gửi thông báo cho Công ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Giám Sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.

37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

37. 1. Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
37. 2. Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám Sát phải có thông báo trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày cho Công ty Quản Lý Quỹ.
37. 3. Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một Ngân Hàng Giám Sát khác phải theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG VIII:

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

38. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

39. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

39.1. Tổ chức cung cấp dịch vụ được lựa chọn phải có năng lực phù hợp, hệ thống quản lý, nhân sự, kinh nghiệm và chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ của Đại Lý Chuyển Nhượng và tổ chức quản trị Quỹ.

39.2. Tổ chức được lựa chọn làm Đại Lý Chuyển Nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp với Đại Lý Phân Phối và Nhà Đầu Tư, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với Đại Lý Phân Phối và Công ty Quản Lý Quỹ, có tính bảo mật cao, bảo vệ được các thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư, phù hợp với Pháp Luật và chuẩn mực quốc tế. Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và Đại Lý Phân Phối phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với Pháp Luật.

40. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

40.1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với Pháp Luật và hợp đồng ký với Công ty Quản Lý Quỹ.

40.2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Lập báo cáo kế toán về các giao dịch của Quỹ; ghi nhận các lưu chuyển dòng tiền vào và ra của Quỹ;
- Chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ; phối hợp và hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ tiến hành hoạt động kiểm toán Quỹ;
- Thực hiện xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi đơn vị dựa trên chính sách kế toán của Quỹ phù hợp với các tài liệu Quỹ và luật áp dụng, với tần suất theo thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ và Công ty Quản Lý Quỹ.

b) Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu

- Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;
- Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ phát hành, số Chứng Chỉ Quỹ hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
 - Ghi nhận:
 - ✓ tên và địa chỉ của mỗi người sở hữu các đơn vị Quỹ
 - ✓ số lượng đơn vị quỹ mỗi Nhà Đầu Tư của Quỹ sở hữu và lượng tiền trả cho các đơn vị quỹ này;
 - ✓ ngày nhập tên của mỗi Nhà Đầu Tư cho các đơn vị quỹ dưới tên của Nhà Đầu Tư đó.
 - ✓ ngày đăng ký chuyển nhượng cùng với tên và địa chỉ của người nhận chuyển nhượng.
 - ✓ các chi tiết khác như được quy định trong tài liệu Quỹ.
 - Xử lý các yêu cầu về giao dịch (đăng ký mua, đăng ký bán, đăng ký chuyển đổi và chuyển nhượng) đối với các đơn vị quỹ, và các yêu cầu khác (như thay đổi về dữ liệu thông tin Nhà Đầu Tư) của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng và nhập vào Sổ Đăng Ký tất cả các yếu tố đó;
 - Phân bổ và hủy bỏ đơn vị quỹ phù hợp với các điều khoản trong Tài liệu Quỹ, và trong các trường hợp chỉ phát hành đơn vị quỹ sau khi Ngân Hàng Giám Sát đã nhận tất cả tiền thanh toán liên quan đến việc đăng ký mua đơn vị quỹ;
 - Chuẩn bị Sổ Đăng Ký điện tử sẵn sàng cho việc kiểm tra tại trụ sở của Đại Lý Chuyển Nhượng ở Việt Nam phù hợp với tài liệu Quỹ và theo yêu cầu tại từng thời điểm của luật áp dụng hoặc bộ luật và điều lệ của các cơ quan quản lý hoặc cơ quan có thẩm quyền mà Quỹ chịu sự quản lý;
 - Tại bất kì thời điểm nào trong giờ làm việc cho phép Công ty Quản Lý Quỹ và bất cứ Đại Lý Phân Phối nào bằng chi phí của Công ty Quản Lý Quỹ (nếu có) kiểm toán hoặc kiểm tra Sổ Đăng Ký và bất kỳ tài liệu và sổ sách nào khác được lưu giữ bởi Đại Lý Chuyển Nhượng; và chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu và sổ sách đó để Quỹ hoặc các đại lý hoặc đại diện của Quỹ trong giờ làm việc khi được yêu cầu cung cấp, và tương tự, cung cấp các thông tin, giải thích và hỗ trợ một cách hợp lý theo yêu cầu của Công ty Quản Lý Quỹ, đại lý hoặc đại diện của Công ty Quản Lý Quỹ; và
 - Mở và quản lý tài khoản của Nhà Đầu Tư sở hữu đơn vị Quỹ dưới tên của Nhà Đầu

- Tur theo chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng;
- Sắp xếp thanh toán cổ tức cho Nhà Đầu Tư của Quỹ theo chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ;
 - Sắp xếp để trả lại các khoản đăng ký mua vượt quá cho Nhà Đầu Tư sau mỗi đợt phân phối theo Chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng;
 - Sắp xếp thanh toán thanh lý quỹ cho Nhà Đầu Tư của Quỹ theo Chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng với sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc ban đại diện của Quỹ (hoặc cơ quan điều hành khác của Quỹ) và từ các cơ quan có thẩm quyền (nếu cần).
- 40.3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu
- Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của Pháp Luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu Công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.
- 40.4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công ty Quản Lý Quỹ;
- 40.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản Lý Quỹ.
- 41. Trách nhiệm của Công ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền**
- 41.1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ;
- 41.2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
- 41.3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ;

- 41.4. Công ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm như quy định nêu trên;
- 41.5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
- 41.6. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
- 41.7. Công ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;
- 41.8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
- 41.9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chi thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;
- 41.10. Tối thiểu một năm một lần, Công ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;
 - b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
 - c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản Lý Quỹ);
 - d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.
- 42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền**
- 42.1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
 - b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
 - c) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;

- d) Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
 - e) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - f) Theo đề nghị của Công ty Quản Lý Quỹ;
 - g) Quỹ bị giải thể;
 - h) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư
- 42.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty Quản Lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp Luật và hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

CHƯƠNG IX:

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

43. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ

Tổ chức được Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm Đại Lý Phân Phối phải đáp ứng các điều kiện sau:

- 43.1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN;
- 43.2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật;
- 43.3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.
- 43.4. Đại Lý Phân Phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
 - a) Làm đại lý ký danh;
 - b) Đồng thời làm Đại Lý Phân Phối cho Công ty Quản Lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản Lý Quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

44. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

- 44.1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp Luật và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
- 44.2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời

phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

- 44.3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sở Đăng Ký, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này.
- 44.4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, Công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản Lý Quỹ.
- 44.5. Hỗ trợ Công ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chi thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.
- 44.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.
- 44.7. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
 - a) Làm đại lý ký danh;
 - b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.
45. **Hoạt động của đại lý ký danh**
 - 45.1 Lập và quản lý sổ phụ đối với Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
 - 45.2 Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;

45.3 Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Đại Lý Phân Phối quy định tại điều lệ này và quy định của pháp luật.

45.4 Đại lý ký danh phải tuân thủ quy định sau:

- a) Tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của đại lý ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư tại sở phụ. Các Nhà Đầu Tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số đơn vị quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nhà Đầu Tư có quyền yêu cầu đại lý ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số đơn vị quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của Nhà Đầu Tư (nếu có);
- b) Đại lý ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng Nhà Đầu Tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của Nhà Đầu Tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý ký danh muốn giao dịch chứng chỉ quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ độc lập với tài khoản ký danh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư này;
- c) Đại lý ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư trên tài khoản ký danh; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
- d) Đại lý ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 23 Điều 2 Thông tư này tại Ngân Hàng Giám Sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư. Đại lý ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà Đầu Tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu. Ngân Hàng Giám Sát, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, Công ty Quản Lý Quỹ, đại lý ký danh cùng xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối kết hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản này, bảo đảm:
 - Theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng Nhà Đầu Tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu Tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - Tiền (nếu có) của Nhà Đầu Tư không bị lạm dụng hoặc bị sử dụng mà chưa được ủy quyền của Nhà Đầu Tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu

hiệu vi phạm quy định này, Ngân Hàng Giám Sát, Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Nhà Đầu Tư trong vòng 24 giờ;

Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ quỹ hoặc từ Nhà Đầu Tư tham gia vào quỹ, đại lý ký danh phải hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu Tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc thanh toán cho quỹ theo chỉ thị của Nhà Đầu Tư.

- e) Đại lý ký danh phải mở, quản lý tiểu khoản giao dịch độc lập, tách biệt tới từng Nhà Đầu Tư. Tổng số dư trên các tiểu khoản phải khớp với số dư trên tài khoản ký danh, số dư trên từng tiểu khoản phải khớp với số liệu sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư tại Sổ

46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ

- 46.1 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, Công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được Công bố Công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.
- 46.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- 46.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- 46.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải

chi rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.

- 46.5 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- 46.6 Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức phí đã được Công bố tại Bán Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản Lý Quỹ.
- 46.7 Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp Luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
- 46.8 Công ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG X:

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

47. Công ty Kiểm toán

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán và không được là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Năm đầu tiên, công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Các năm sau đó, Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại Diện Quỹ ít nhất (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ

48. Năm Tài chính

48.1 Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.

48.2 Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

49. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng và thể hiện.

50. Báo cáo tài chính

50.1 Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ. Phù hợp với quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này, Công ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện Công việc này. Mọi Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ sẽ được lưu tại văn phòng của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc của nhà cung cấp dịch vụ mà Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền. Ban Đại diện Quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.

50.2 Báo cáo tài chính trình bày trước Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ do Ban Giám đốc Công ty

Quản Lý Quỹ ký và Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ thay mặt cho Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt. Các báo cáo của Công ty kiểm toán và của Ban Đại Diện Quỹ, nếu có, sẽ được đính kèm cùng các báo cáo tài chính. Các báo cáo này sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và bất cứ Nhà Đầu Tư nào cũng có thể xem các báo cáo đó.

50.3 Tất cả các báo cáo tài chính soát xét bán niên/ hàng năm đã được soát xét/ kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của Pháp Luật sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và công bố công khai trên website của Công ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

51. Báo cáo khác

Công ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và Công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

CHƯƠNG XI:

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

52. **Xác định Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”)**

- 52.1 Công ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ. Công ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ để cung cấp dịch vụ xác định giá trị NAV theo quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này nhưng phải kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng việc xác định NAV phải đưa ra giá trị chính xác và hợp lý cho các tài sản của Quỹ và phù hợp với quy định của Pháp Luật.
- 52.2 Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại Lý Phân Phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 52.3 NAV của Quỹ được xác định vào Ngày Định Giá là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. NAV của quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
- 52.4 NAV của một Đơn Vị Quỹ bằng NAV của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến 2 (hai) chữ số thập phân.
- #### 53. **Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”) của Quỹ**
- 53.1 Phương pháp xác định NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và sẽ tuân thủ Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và Ban Đại Diện Quỹ phê chuẩn. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát xem xét trước khi đệ trình cho Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
- 53.2 Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thành lập hội đồng định giá để xác định giá hợp lý trong những trường hợp sổ tay định giá không quy định hoặc không xác định rõ ràng.

Việc xác định giá thị trường của tài sản được thực hiện theo phương pháp quy định tại Phụ lục [4] đính kèm.

54. Quy trình định giá tài sản Quỹ

54.1 Trước Ngày Định Giá

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch mua/mua lại Chứng Chỉ Quỹ sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
- Hàng tuần đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại ngân hàng lưu ký;
- Hàng tuần đối chiếu số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyển nhượng;
- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí ngân hàng lưu ký giám sát, chi phí đại lý chuyển nhượng, chi phí quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, từ các Công ty chứng khoán, các hệ thống báo giá (Bloomberg/Reuters/VNBF...), thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.

54.2 Tại ngày sau Ngày Định Giá

- Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận NAV trên một Đơn Vị Quỹ;
- Công ty Quản Lý Quỹ Công bố NAV trên một Đơn Vị Quỹ.

54.3 Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.

54.4 Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu Tư tại Sổ Đăng Ký và cung cấp thông tin cho Đại Lý

Phân Phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho Nhà Đầu Tư.

54.5 Trong thời gian năm (05) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:
Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyên Nhượng sẽ chuyển tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu Tư.

55. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ

55.1 Thiệt hại gánh chịu bởi Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi NAV của Quỹ bị định giá sai và mức độ sai sót được coi là lớn khi đạt từ 0,75% (không phải bày lăm phần trăm) của NAV trở lên.

Khi mức độ sai sót đạt đến mức quy định trên, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng phương án khắc phục, giải quyết bằng hai cách sau đây:

- Điều chỉnh số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư bị thiệt hại nắm giữ, chỉ áp dụng trong trường hợp chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào chi phí của Quỹ
- Thanh toán bằng chuyển khoản trong trường hợp số tiền thiệt hại cho từng Nhà Đầu Tư vượt quá 100.000 VND (một trăm nghìn đồng Việt Nam). Trường hợp số tiền thiệt hại cho từng Nhà Đầu Tư nhỏ hơn 100.000 VND (một trăm nghìn đồng Việt Nam) sẽ được tự động hạch toán cho Quỹ.

55.2 Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào Quỹ.
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được từ Nhà Đầu Tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.

55.3 Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào Quỹ.
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị

Quỹ mà Quý đã phát hành ra trước thời gian Quý bị định giá sai và Quý đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quý được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được từ Nhà Đầu Tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.

56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Hàng năm, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá và không được là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

CHƯƠNG XII: LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ

57. Phân phối lợi nhuận

57.1 Việc phân phối lợi nhuận hàng năm dựa trên đề xuất của Ban đại diện quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua hoặc do Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại khoản 21.3 và khoản 26.3 theo đề xuất của Công ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận. Công ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí nếu Pháp Luật có yêu cầu trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phép phân phối nếu sau khi phân phối:

- a) Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của Pháp Luật; hoặc
- b) NAV của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của Pháp Luật.

57.2 Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa ba điều kiện sau:

- Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
- Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.
- Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

57.2 Lịch trình, kế hoạch phân chia lợi nhuận đã được thông qua sẽ được Công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ. Mỗi Nhà Đầu Tư có thể quyết định nhận lợi nhuận mà Quỹ phân phối dưới dạng tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ với điều kiện, họ phải nêu rõ lựa chọn của mình tại đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch Đơn Vị Quỹ. Nếu không có sự lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư vào Quỹ được tự động áp dụng.

57.3 Công ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền và bằng Đơn Vị Quỹ, NAV trên Đơn Vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ.

58. Chi phí hoạt động của Quỹ

58.1 Phí Quản Lý

Phí quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản Lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí Quản Lý sẽ là 1,5% /NAV/năm và có thể thay đổi khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt.

Phù hợp với quy định của pháp luật, trong mọi trường hợp, tổng phí quản lý như nêu tại đây, phí quản trị quỹ và phí Đại Lý Chuyển Nhượng như nêu tại khoản 58.3 và 58.4 của Điều này sẽ tuân thủ mức tối đa theo yêu cầu của pháp luật.

58.2 Phí giám sát và lưu ký

Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí lưu ký

Phí Lưu Ký sẽ là 0.03% /NAV/năm và thấp nhất là 12,000,000 đồng/ tháng

Phí giao dịch chứng khoán: 150.000 VNĐ/giao dịch.

Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v...

Phí giám sát: Phí dịch vụ Giám sát quỹ sẽ là 0.05%/NAV/năm và thấp nhất là 20,000,000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT)

58.3 Chi phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ Quản trị quỹ sẽ là 0.04%/NAV/năm và thấp nhất là 18,000,000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT)

58.4 Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Stt	Loại phí	Mức phí (Chưa bao gồm thuế VAT)
1	Phí cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Phí giao dịch (mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản)	
	– Đối với 400 giao dịch đầu tiên:	Miễn phí

Stt	Loại phí	Mức phí (Chưa bao gồm thuế VAT)
	– Đối với giao dịch từ số 401 trở đi:	0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch (Giá trị giao dịch = số lượng Chứng Chỉ Quỹ giao dịch x NAV/Chứng Chỉ Quỹ mà TCC công bố tại ngày giao dịch liền trước)
3	Phí thực hiện quyền	
	– Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách
	– Phân phối cổ tức	Miễn phí

58.5 Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công Ty Kiểm Toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

58.6 Phụ cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Để dễ hiểu, chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện đã được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

58.7 Chi phí khác

- Chi phí in ấn dự thảo và gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư, chi phí Công bố thông tin của Quỹ theo quy định Pháp Luật;
- Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- Thuế và các loại phí bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và các chi phí Khác được Pháp Luật cho phép.
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ: Bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tài sản của quỹ khác.

CHƯƠNG XIII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

59. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập và chia tách Quỹ

- 59.1 Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ chỉ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật và khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua.
- 59.2 Việc tách Quỹ sẽ xảy ra khi xảy ra sự kiện (i) Công ty Quản Lý Quỹ không thể xác định được NAV của Quỹ vào Ngày Định Giá để mua lại Chứng Chỉ Quỹ do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ vô thời hạn giao dịch chứng khoán trong phần lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc (ii) theo quyết định bằng văn bản của UBCKNN.
- 59.3 Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

60. Các điều kiện thanh lý và giải thể Quỹ

60.1 Quỹ được thanh lý và giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Công ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc giấy phép thành lập và hoạt động quỹ bị thu hồi nhưng Ban Đại diện Quỹ không tìm được Công ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy phép.
- b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc Hợp Đồng Giám Sát bị chấm dứt bởi Công ty Quản Lý Quỹ; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi và Công ty Quản Lý Quỹ không tìm được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi.
- c) Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ quyết định giải thể Quỹ;
- d) NAV của Quỹ giảm xuống dưới 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng Việt Nam) trong vòng 6 (sáu tháng) liên tiếp; và
- e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

60.2 Việc thanh lý và giải thể của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ đóng vai trò là bên thanh lý cho Quỹ trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác

61. Kiểm soát xung đột lợi ích

Công ty Quản Lý Quỹ sẽ hành động một cách Công bằng đối với tất cả các quỹ do mình quản lý, tuân thủ các quy định của Pháp Luật, khoản 33.1 và khoản 33.3 của

Điều Lệ này và sẽ thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro để theo dõi và giám sát xung đột lợi ích thực tế và tiềm tàng. Trong trường hợp nảy sinh xung đột lợi ích, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại diện Quỹ và thống nhất về phương thức xử lý để giảm nhẹ hoặc kiểm soát xung đột đó.

62. Thông báo và Công bố thông tin

- 62.1 Tất cả các thông báo hoặc tài liệu phát hành và gửi đến cho Nhà Đầu Tư phải được gửi trực tiếp đến tay Nhà Đầu Tư hoặc bằng đường bưu điện đến địa chỉ của Nhà Đầu Tư đăng ký trong sổ Đăng Ký. Nhà Đầu Tư phải thông báo cho Công ty Quản Lý Quỹ về bất kỳ thay đổi liên quan đến địa chỉ nhận thư.
- 62.2 Tất cả các thông báo hoặc tài liệu gửi qua đường bưu điện sẽ được coi là được chuyển khi thư có thông báo hoặc tài liệu được gửi qua bưu điện. Tài liệu và thông báo sẽ được coi là đã gửi nếu trong thư chứa thông báo và tài liệu đã được ghi đúng địa chỉ và gửi đi.
- 62.3 Các thông báo và tài liệu gửi cho bất kỳ Nhà Đầu Tư sẽ được coi là gửi cho tất cả những Nhà Đầu Tư còn lại.
- 62.4 Các thông báo và tài liệu gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử được coi là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng Số fax và địa chỉ thư điện tử của Nhà Đầu Tư đã được đăng ký tại sổ Đăng Ký. Tài liệu có đóng dấu và chữ ký gốc đã gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử sẽ phải gửi bản gốc muôn nhất vào ngày làm việc tiếp theo đến địa chỉ thư tín đăng ký trong sổ Đăng Ký.
- 62.5 Hàng tháng, hàng quý và hàng năm, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà Đầu Tư danh sách giao dịch và số dư trên tài khoản, tiểu khoản và các báo cáo về thay đổi NAV của Quỹ. Với những Nhà Đầu Tư giao dịch bằng tài khoản ký danh, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thông tin khi Nhà Đầu Tư có yêu cầu bằng văn bản. Báo cáo sẽ được gửi cho Nhà Đầu Tư trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không quá 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư.
- 62.6 Công ty Quản Lý Quỹ sẽ Công bố trên trang điện tử của mình trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính Bán Cáo Bạch Của Quỹ, bản cáo bạch rút gọn, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, báo cáo tổng kết về hoạt động Quản Lý Quỹ bán niên và cả năm, báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ bán niên và cả năm, báo cáo về hoạt động của Quỹ bán niên và cả năm.

63. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

63.1 Điều Lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bằng nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của khoản 21.2 và Điều 22.

63.2 Quy định tại Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng cho các sửa đổi đối với:

- a) Bất cứ nội dung nào của Điều Lệ này nếu việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của Pháp Luật: Khi các quy định của Pháp Luật thay đổi làm bất cứ nội dung nào trong Điều Lệ này có thay đổi theo, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi nội dung có liên quan đó mà không cần phải có nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- b) Chính sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều Lệ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua: Công ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi khi những lỗi đó hoặc những thay đổi đó được phát hiện hoặc trở nên cần thiết.

63.3 Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ, bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 63.2 của Điều này sẽ phải báo cáo tới UBCKNN. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.

64. Hiệu lực của Điều lệ

Điều Lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày / /2017 và thay thế cho các Điều lệ Quỹ ban hành trước đây.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG



PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản Lý Quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Kỹ Thương

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số: Số 40/UBCK-GP do UBCK Nhà nước cấp ngày 21/10/2008.

Công ty Quản Lý Quỹ theo đây xin cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đối với các Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ theo quy định của pháp luật.

**GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**



GIÁM ĐỐC:
Hàng Đầu Tư

**PHỤ LỤC 2:
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Số giấy phép hoạt động số: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008.

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: Số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015.

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



Madhavi Daluwatte
Giám Đốc Nghiệp Vụ
Ngân Hàng Giám Sát

PHỤ LỤC 3:
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty Quản Lý Quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Kỹ thương

Số giấy phép thành lập: Số 40/UBCK-GP do UBCK Nhà nước cấp ngày 21/10/2008

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Số giấy phép hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008.

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: Số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ



GIÁM ĐỐC
Đặng Văn Dũng

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Madhavi Daluwatte
Giám Đốc Nghiệp Vụ
Đại Diện Vụ Ngân Hàng Quốc Tế

**PHỤ LỤC 4:
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN**

A – Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Từ quy định của pháp luật về thị trường tài sản và các khoản tương đương tài sản có thị trường đầu tư
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
6.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cố định tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ các báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc

		+ Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chương khoản phụ lục		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Cá nhân khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.
- Các phương thức định giá do Ban Đại Diện Quỹ được chi tiết tại Sổ tay định giá.

B – Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2) Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).